

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 331/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04-6-2019

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Trần Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Hồng;

2. Bà Tổng Thị Kim Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thơm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 841/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Số T đường số M, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đình M, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số T đường số M, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2018 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đình M qua thời gian tìm hiểu 02 năm, cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 113, quyển số 01/2007 đăng ký ngày 24/8/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng sống hạnh phúc được 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông M thường xuyên rượu chè, chơi

game, vợ chồng không cùng quan điểm sống, hay cãi vã có lần do không kiềm chế được nên ông M đã đánh bà trước mặt bạn bè và hàng xóm. Đồng thời bà cảm nhận do ông M không chung thủy. Vợ chồng đã cùng khắc phục nhưng không có kết quả. Cả hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 03 năm 2015 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đình M.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Đình M có 01 con chung họ tên là Nguyễn Phương L, sinh ngày 29/11/2010. Hiện đứa trẻ đang sống với bà và ông M. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn xác định lại các yêu cầu như trên. Riêng về vấn đề cấp dưỡng nuôi con bà xác định không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Đình M vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; về xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; Về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

* Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông M có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do hai bên mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống khi sống chung, hay cãi nhau có lần do không kiểm chế được nên ông M đã đánh bà trước mặt bạn bè và hàng xóm, nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu của bà T được ly hôn với ông M là có cơ sở để chấp nhận.

- Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, do con chung hiện đang chung sống với bà T; bà T là người chăm sóc, đưa đón con đi học, có công việc ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung; Trẻ L có nguyện vọng muốn sống với mẹ nên yêu cầu được nuôi con chung của bà T là có cơ sở. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà T yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa bà T không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện của bà T nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu khởi kiện ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Đình M và ông M đang cư trú tại Quận 7; Đây là tranh chấp về ly hôn là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật và thuộc trường hợp đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông M theo điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Nguyễn Đình M đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên ông M phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều

91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình M tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn vào năm 2007.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 113, quyển số 01/2007 đăng ký ngày 24/8/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh có đủ cơ sở để xác định bà T và ông M là vợ chồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Về yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đình M của bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Đình M không nộp bản tự khai, không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia hòa giải, không có các biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng thể hiện sự thiếu quan tâm đến việc xây dựng quan hệ hôn nhân. Mặt khác, với những mâu thuẫn do bà T trình bày thì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông M không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông M cũng chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp lý sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau. Nên việc bà T yêu cầu ly hôn với ông M là có căn cứ chấp nhận phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

- Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 12, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký ngày 24/01/2011 và lời khai của bà T đã có đủ cơ sở để kết luận: bà T và ông M có 01 (Một) con chung là Nguyễn Phương L, sinh ngày 29/11/2010.

Theo bản tự khai trong vụ án hôn nhân và gia đình ngày 10/01/2019, trẻ Nguyễn Phương L có nguyện vọng muốn sống với bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện trẻ Nguyễn Phương L đang sống với bà T, bà T là người chăm sóc, đưa đón con đi học, có công việc ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung; Trẻ L có nguyện vọng muốn sống với mẹ nên yêu cầu được nuôi con chung của của bà T là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử giao trẻ Nguyễn Phương L cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, tại phiên tòa bà T yêu cầu rút lại yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[4] Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình M có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Đình M.

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

2.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình M (Giấy chứng nhận kết hôn số 113, quyển số 01/2007 đăng ký ngày 24/8/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

2.2. Về con chung: Có 01 con chung họ tên là Nguyễn Phương L, sinh ngày 29/11/2010. Giao con chung là trẻ Nguyễn Phương L cho bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T về việc không yêu cầu ông Nguyễn Đình M cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Đình M có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Không có.

2.5. Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai

thu tạm ứng án phí số AA/2017/0026458 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Án xử công khai và tuyên án vắng mặt bị đơn.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Nguyễn Đình M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THA DS Quận 7;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Luyện).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Trần Cảnh